

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ - PT

Ngày 24- 8-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: Ông Trương Quốc Văn

Bà Lê Thị Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Cù Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc Đ - SN: 1982, (có mặt).

Địa chỉ: SN 54/28 khu phố A, phường C, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T - SN 1992, (có mặt).

Nơi ĐKNKTT: SN 54/28 khu phố A, phường C, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: Đội 9, xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2019, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn - Anh Nguyễn Quốc Đạt trình bày:

* *Về hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị Minh T kết hôn với nhau năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp,

bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng cố gắng thay đổi để hòa hợp nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 05/9/2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Minh T.

** Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 06/10/2014; Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28/10/2016. Ly hôn nguyện vọng của anh Đ xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

** Về tài sản và công nợ:* Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn – Chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như anh Đ đã trình bày trên là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về suy nghĩ và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh Đ còn đánh đập chị ngay cả khi chị đang mang thai. Hai bên gia đình có can thiệp giải quyết nhưng chỉ được một thời gian ngắn. Tháng 5/2014 chị về nhà bố mẹ đẻ ở khi đang mang thai cháu đầu và sinh con. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2014 đến tháng 9 năm 2015 vợ chồng sống ly thân. Đến cuối tháng 9/2015, vợ chồng lại quay về sống với nhau ở Bình Dương. Quá trình chung sống vợ chồng có thêm cháu Nguyễn Minh Đ. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện vì anh Đ vẫn thường xuyên đánh đập chị. Ngày 04/9/2018 anh Đ đã đánh vào đầu làm chị phải đi viện điều trị. Sau đó chị quyết định đưa cả hai con về nhà mẹ đẻ ở L, huyện Hậu Lộc sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh Đ.

** Về con chung:* Chị T đồng ý về số con chung, họ tên, năm sinh các cháu như anh Đ trình bày. Ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

** Về tài sản và công nợ:* Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại Bản án số 62/2020/HNGĐ-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đã quyết định:

** Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quốc Đ về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị Nguyễn Thị Minh T.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc Đ và chị Nguyễn Thị Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Đ - sinh ngày 28/10/2016 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh C - sinh ngày 06/10/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ và chị T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Anh Nguyễn Quốc Đ và chị Nguyễn Thị Minh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 02/6/2020, chị Nguyễn Thị Minh T có đơn kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo: chị Nguyễn Thị Minh T đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con là chính đáng. Tuy nhiên, chị T và anh Đ đều đang còn trẻ, có sức khỏe, có việc làm và thu nhập ổn định. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm chị T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh anh Đ không có điều kiện, khả năng nuôi con. Anh Đ và chị T có hai con chung nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của chị T.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí DSPT: Vì kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí phúc thẩm; căn cứ khoản 1 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Minh T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 62/2020/HNGĐ-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

Xử:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc Đ và chị Nguyễn Thị Minh T.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh Đ - sinh ngày 28/10/2016 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh C - sinh ngày 06/10/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đ, chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 7961 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc (Chị T đã nộp đủ tiền án phí DSPT).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy